

1121 Series — SERIES 25



Bánh cao su (Đường kính × Độ rộng 40×17mm)

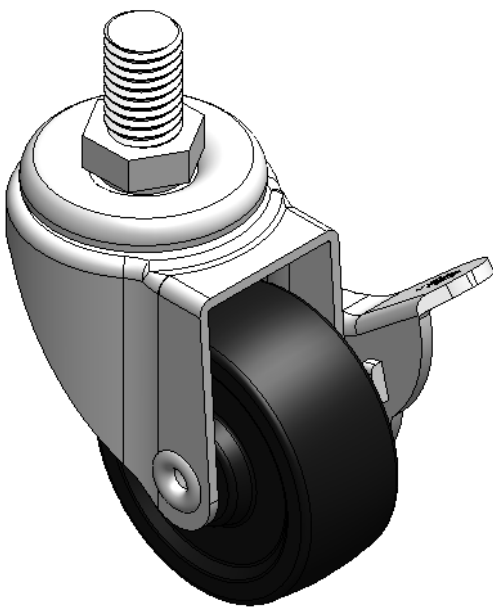
EAN

YJ-11210150066213

Trang bị phanh bên (bánh xe) và hệ thống khóa. Chân đế dập khuôn, có ren – 3/8"-16 răng.  
Bề mặt mạ kẽm, lắp đặt có ren.  
Lõi bánh xe bằng nhựa nhiệt dẻo, vành cao su đàn hồi chất lượng cao.  
Bánh xe màu đen, có sẫm ở giữa.

Bề mặt bánh xe: Cao su đàn hồi chất lượng cao  
Lõi bánh xe: Nhựa nhiệt dẻo (PA6)

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

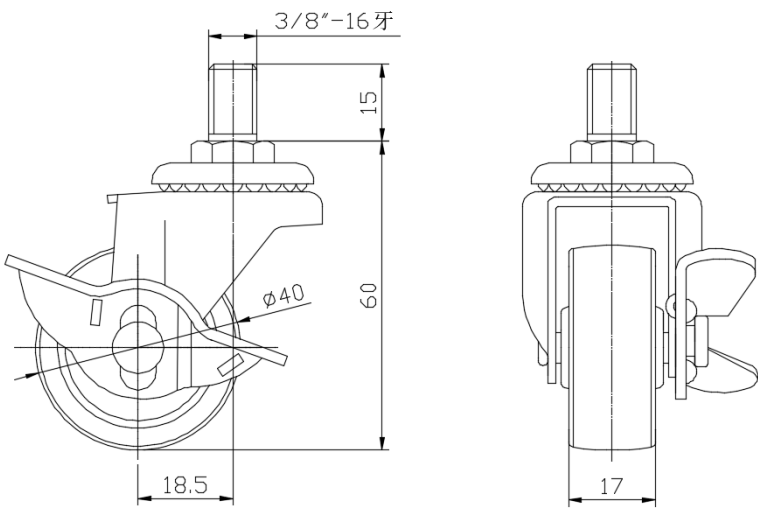
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                             |                               |
|---------------------------------------------|-------------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét | <input type="radio"/> đế quốc |
| Đường kính bánh xe                          | 40mm                          |
| Chiều rộng bánh xe                          | 17mm                          |
| vòng bi bánh xe                             | Bánh xe đi kèm với ống giữa   |
| Thông số kỹ thuật của ren                   | 3/8 " -16牙                    |
| độ dài ren                                  | 15mm                          |
| Độ lệch tâm                                 | 18.5mm                        |
| Sự can thiệp quay                           | 85mm                          |
| Tổng chiều cao                              | 60mm                          |
| Bán kính xoay                               | 42.5mm                        |
| Độ cứng                                     | 80±5° Shore A                 |
| Tải trọng (động)                            | 20kgs                         |
| Tải trọng (tĩnh)                            | 30kgs                         |
| Nhiệt độ                                    | -20°C to +120°C               |
| Càng bánh xe                                | Khóa bên                      |
| Thép không gỉ                               | N/A                           |
| Dẫn điện                                    | N/A                           |
| Chống tĩnh điện                             | N/A                           |
| Trọng lượng bánh xe đầy                     | 0.14kgs                       |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                      | ISO22883                      |

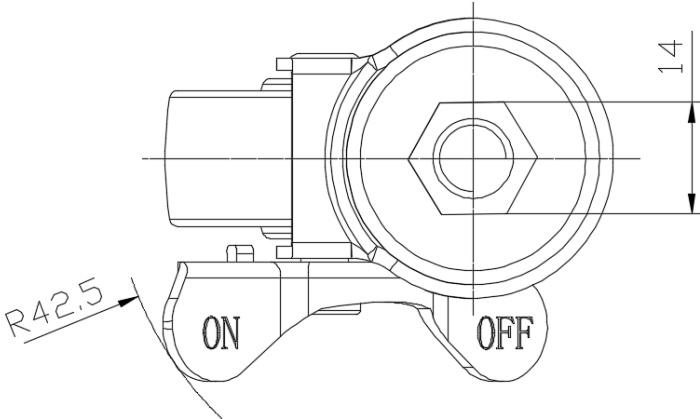
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ○ ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đầy



Bản vẽ 2D kích thước trục ren



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét